

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2021/QĐST-HNGĐ

*Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 9 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH  
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên họp:* Bà Phan Thị Nguyệt Thu

*Thư ký ghi biên bản phiên họp:* Bà Trần Thị Thúy Hạnh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/8/2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 63/2021/QĐ-TA ngày 10 tháng 9 năm 2021, bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

1. Chị Nguyễn Thị C; sinh ngày 17/4/1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt tại phiên họp.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/5/1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan; Vắng mặt tại phiên họp.

**NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:**

Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, Bản tự khai cũng như các tài liệu khác có tại hồ sơ, chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T, T bày thống nhất như sau:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 02 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Do kinh tế khó khăn nên năm 2018, anh T đi lao động tại Đài Loan. Sau khi đi, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, anh T vẫn gửi tiền về để chị C chăm sóc, nuôi dạy con cái. Từ cuối năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nhận thấy tình cảm không còn nên cả hai đương sự đều có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 02/12/2009 và Nguyễn Thành C, sinh ngày 08/6/2011. Cả hai thống nhất giao con chung cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/1 con chung, kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Các con chung Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Thành C đều có đơn nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người tham gia tố tụng khác bà Lê Thị T đồng ý nhận ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ của anh Nguyễn Văn T.

Tại phiên họp, anh Nguyễn Văn T vắng mặt, chị Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên các yêu cầu.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T. Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Thành C cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/1 con chung, kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị C.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

### [1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, đều có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết việc hôn nhân gia đình. Hiện tại, anh Nguyễn Văn T đang cư trú tại nước ngoài. Theo thông tin cung cấp của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an, lần gần đây nhất, anh T xuất cảnh ngày 05/3/2018 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài và chưa có thông tin nhập cảnh. Căn cứ quy định tại các Điều 29, 35, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Các tài liệu chứng cứ của anh Nguyễn Văn T gửi qua đường bưu chính đã được thực hiện giám định chữ ký được xác định là hợp pháp.

[1.3] Tại phiên họp anh Nguyễn Văn T vắng mặt, tuy nhiên anh đã có đơn yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết và ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ cho bà Lê Thị T (mẹ đẻ của anh T). Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

### [2.] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tuân thủ các điều kiện và đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 02 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại các Điều 9, 11, 12, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị C và anh T là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị C thấy rằng:

Theo T bày của cả hai anh chị thì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Năm 2018 anh T đi lao động nước ngoài đến cuối năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác. Hiện tại, cả hai đều nhận thấy không còn tình cảm, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, đã thống nhất thuận tình ly hôn, thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn và thỏa thuận về tài sản.

Như vậy, vợ chồng đã không thực hiện nghĩa vụ “*Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình*” (Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình) và “không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc”, mâu thuẫn trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Quan hệ con chung: Sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung và phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Anh Nguyễn Văn T hiện đang cư trú tại nước ngoài, không thể thực hiện nghĩa vụ trực tiếp nuôi con chung nên cần công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của các đương sự.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn đã được các bên thống nhất: Anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/1 con chung kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi, Tòa án công nhận sự thỏa thuận này.

[4] Quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Lệ phí: Chị Nguyễn Thị C tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, các Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao các con chung Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 02/12/2009 và Nguyễn Thành C, sinh ngày 08/6/2011 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/1 con chung (một triệu năm trăm ngàn đồng), kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị C (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000223 ngày 10/8/2021 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh). Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp

trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 29/9/2021.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh (2 bản);
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP**

**Phan Thị Nguyệt Thu**